

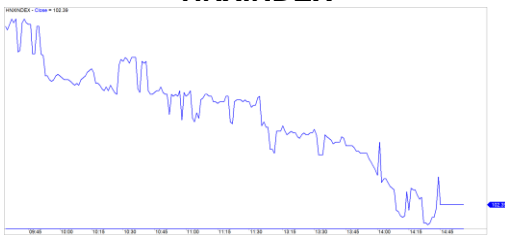
Diễn biến thị trường trong phiên			
Rating	VNI	HNI	UPCOM
Điểm	965.14	102.39	56.65
% ngày	-0.16%	-0.58%	0.00%
% tuần	0.17%	-0.20%	1.51%
% tháng	1.23%	1.31%	2.02%
% năm	9.90%	1.86%	8.59%
GTGD (Tỷ VND)			
Trong ngày	2,702	267	562
TB 1 tuần	2,995	400	349
TB 1 tháng	4,316	379	243
Khối ngoại (Tỷ VND)			
Mua	350.93	4.12	7.20
Bán	198.04	11.64	14.35
Giá trị ròng	152.88	-7.52	-7.14
Độ rộng TT			
Mã Tăng	167	48	173
Mã Giảm	163	76	109
Không Đổi	60	247	621
Chỉ số chính			
P/E	15.80	9.07	16.95
Vốn hóa TT	3,307	193	932
(ngàn tỷ)			
LS Cổ tức	2.35%	4.49%	4.17%

Nguồn: Bloomberg – YSVN

VNINDEX



HNIINDEX



DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Sau phiên tăng điểm khá tích cực vào hôm thứ 5, đà tăng đã hạ nhiệt và lực bán mạnh dần về cuối phiên chiều khiến chỉ số giảm điểm vào phiên cuối tuần. Chỉ số VN-Index đóng cửa giảm 0.16% dừng tại 965.14 điểm. Chỉ số HNX-Index cũng cùng chung diễn biến với mức điều chỉnh 0.58% neo tại 102.39 điểm trong khi Upcom-Index đóng cửa không thay đổi. Giá trị giao dịch đạt khoản 2,800 tỷ đồng khớp lệnh trên cả 3 sàn. Số lượng mã tăng mã giảm gần tương đương nhau.

NVL(-2.6%) ghi nhận phiên giảm khá phiên thứ 2 liên tiếp tạm đóng cửa tại mốc 56,000 đồng/cp. Ngoài ra, ROS(-5.9%), GMD(-1.9%), FPT(-1.7%), MWG(-1.5%), REE(-1.2%)...có mức giảm đáng kể nhất trong VN30-Index. Giá Dầu thế giới trên đà tăng mạnh gần đây do căng thẳng ở Trung Đông là thông tin hỗ trợ tích cực cho nhóm Dầu khí. Mặc dù vậy, chỉ PVS(+2.8%), PLX(+1.1%) có mức tăng đáng chú ý với thanh khoản tích cực. Ngoài ra, theo dự báo của nhiều công ty chứng khoán, PLX khả năng sẽ vào lại VN30-Index trong đợt review sắp tới của chỉ số VN30-Index với danh sách chính thức sẽ công bố ngày 20/01/2020 sắp tới.

Trong bối cảnh thị trường giảm chung nhưng nhiều mã Mid-Cap có mức tăng khá tốt như PHR(+4%), NKG(+2.8%), HAG(+2.5%), HDG(+2.2%), VSC(+2.2%)...giúp chỉ số VNINDEX trên HSX chỉ giảm rất nhẹ.

Khối ngoại có phiên mua ròng mạnh với 138.2 tỷ đồng. HPG(120.2 tỷ), VNM(38 tỷ) dẫn đầu chiều mua ròng. Ở chiều ngược lại, PVD(24.3 tỷ), VCI(20 tỷ) dẫn đầu ở chiều bán ròng.

QUAN ĐIỂM THỊ TRƯỜNG NGẮN HẠN

Chúng tôi cho rằng thị trường có thể sẽ tiếp tục đà tăng trong các phiên giao dịch đầu tuần và chỉ số VN-Index sẽ kiểm định lại mức kháng cự 967 điểm. Đồng thời, thị trường có thể sẽ tiếp tục phân hóa giữa các nhóm cổ phiếu và dòng tiền chủ yếu tập trung ở nhóm cổ phiếu Largecaps. Ngoài ra, tỷ trọng cổ phiếu tiếp tục cải thiện và trong trạng thái tích cực cho nên chiến lược ngắn hạn vẫn là gia tăng tỷ trọng cổ phiếu.

Hệ thống chỉ báo xu hướng của chúng tôi vẫn duy trì mức GIẢM xu hướng ngắn hạn trên hai chỉ số chính với mức kháng cự ở mức 967.13 điểm của chỉ số VN-Index và 103.69 điểm của chỉ số HNX-Index. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư ngắn hạn có thể gia tăng tỷ trọng cổ phiếu và chủ yếu tập trung ở nhóm cổ phiếu Largecaps.

Tỷ trọng khuyến nghị ngắn hạn: 47% cổ phiếu/53% tiền.

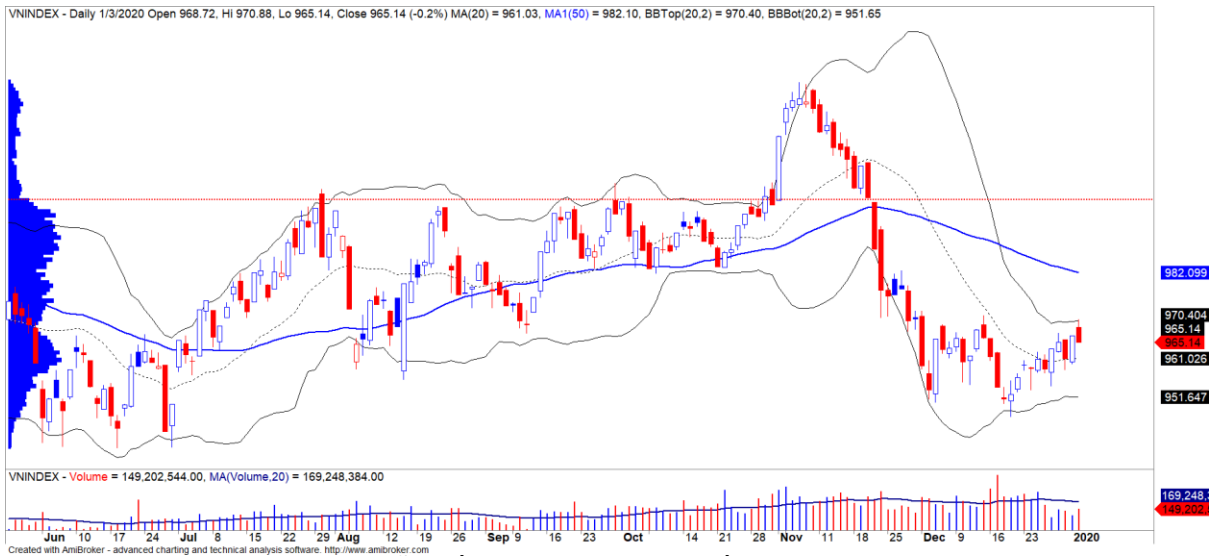
Tỷ trọng khuyến nghị trung hạn: 36% cổ phiếu/64% tiền.

(Bảng đánh giá xu hướng của các cổ phiếu theo dõi được cập nhật ở trang sau).

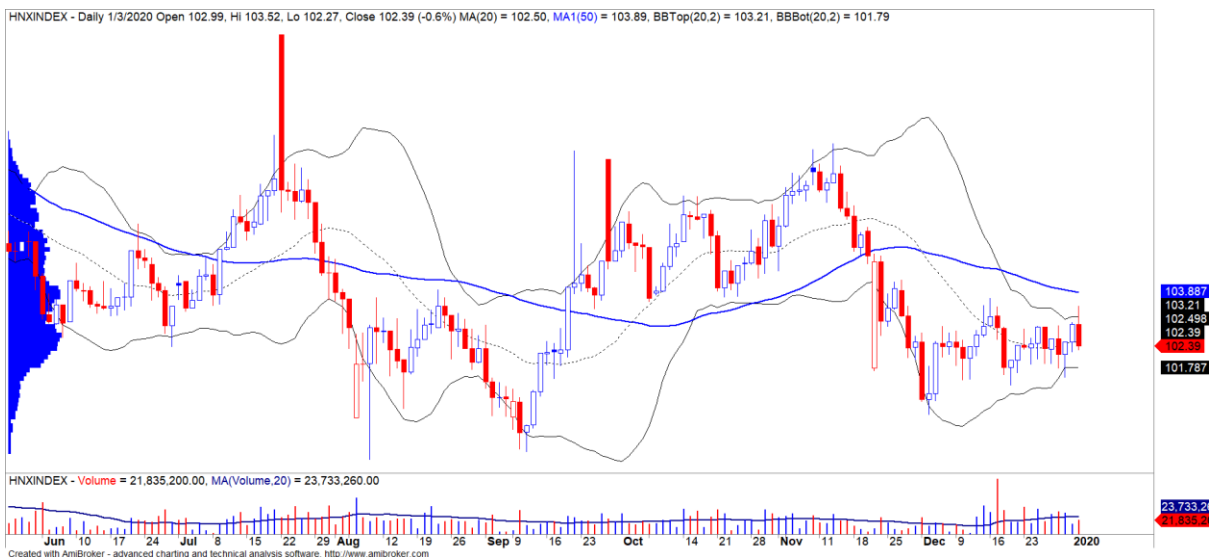


We Create Fortune

BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Diễn biến thị trường của chỉ số VN-Index



Diễn biến thị trường của chỉ số HNX-Index

Chỉ số	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức kháng cự 1	Mức kháng cự 2	Mức hỗ trợ 1	Mức hỗ trợ 2
Chỉ số VN-Index	GIẢM	GIẢM	997	1,000	988	953
Chỉ số HNX-Index	GIẢM	GIẢM	106	108	99	90
Chỉ số VN30	TĂNG	GIẢM	895	935	877	863
Chỉ số VNMidcaps	GIẢM	GIẢM	992	1,030	969	963
Chỉ số VNSmallcaps	GIẢM	GIẢM	835	845	822	804

We Create Fortune

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG CÁC CỔ PHIẾU

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	12.70	GIẢM	GIẢM		13.19				14.43		
ACB	23.00	GIẢM	TĂNG		23.20			24.00	22.57	-4.17%	
ACV	74.20	GIẢM	GIẢM		77.36				78.74		
ANV	22.90	TĂNG	GIẢM	22.80	21.77	0.44%			24.61		
ASM	6.64	GIẢM	GIẢM		6.96				7.24		
BFC	11.55	GIẢM	GIẢM		12.17				13.57		
BID	46.70	TĂNG	TĂNG	41.90	44.39	11.46%		33.40	40.49	39.82%	
BMP	45.00	GIẢM	GIẢM		47.18				51.02		
BSR	8.10	GIẢM	GIẢM		8.64				9.76		
BVH	68.60	GIẢM	GIẢM		71.87				73.44		
BWE	22.80	GIẢM	GIẢM		23.74				24.77		
CEO	9.20	TĂNG	GIẢM	9.30	9.02	-1.08%			9.80		
CII	23.10	TĂNG	GIẢM	23.10	23.01	0.00%	MUA		24.76		
CMG	35.80	GIẢM	TĂNG		37.36			23.20	34.96	54.31%	
CMX	14.65	GIẢM	GIẢM		16.02				20.03		
CSM	13.90	GIẢM	GIẢM		14.03				14.87		
CTD	53.30	GIẢM	GIẢM		55.92				66.51		
CTG	21.30	TĂNG	GIẢM	20.60	20.49	3.40%			21.78		
CTR	39.70	GIẢM	N/A		43.01			-	N/A		
CVT	20.35	GIẢM	GIẢM		21.11				22.74		
DCM	6.41	GIẢM	GIẢM		6.67				7.12		
DGC	24.30	GIẢM	GIẢM		25.89				28.84		
DGW	23.30	TĂNG	GIẢM	23.25	21.71	0.22%			24.94		
DHA	30.65	TĂNG	GIẢM	31.85	28.74	-3.77%			32.52		
DHC	37.60	GIẢM	TĂNG		39.65			37.70	36.02	-0.27%	
DHG	91.20	GIẢM	GIẢM		93.96				98.80		
DIG	13.90	TĂNG	GIẢM	14.00	13.39	-0.71%			14.69		
DPG	39.60	GIẢM	GIẢM		43.55				48.35		
DPM	12.80	GIẢM	GIẢM		13.50				14.36		
DPR	39.00	GIẢM	TĂNG		39.66			41.30	35.60	-5.57%	
DQC	16.30	TĂNG	GIẢM	16.20	15.59	0.62%			17.29		
DRC	23.60	TĂNG	TĂNG	24.10	22.63	-2.07%		21.60	21.25	9.26%	
DXG	13.90	TĂNG	GIẢM	14.60	13.88	-4.79%			16.12		
EIB	17.25	TĂNG	TĂNG	17.80	16.22	-3.09%		18.40	16.46	-6.25%	

We Create Fortune

FCN	10.20	GIẢM	GIẢM		10.35				11.21		
FMC	26.10	GIẢM	TĂNG	25.96	26.11	0.57%	BÁN	31.60	24.76	-17.41%	
FPT	57.60	TĂNG	TĂNG	57.00	56.51	1.05%		46.00	54.99	25.22%	
GAS	94.80	GIẢM	GIẢM		97.64				104.62		
GEX	19.20	GIẢM	GIẢM		20.06				21.00		
GIL	17.60	GIẢM	GIẢM		17.71				19.38		
GMD	22.75	GIẢM	GIẢM		24.08				25.29		
GTN	18.85	GIẢM	GIẢM		20.24				23.85		
GVR	11.70	TĂNG	N/A	11.70	11.38	0.00%	MUA		N/A		
HAG	4.15	TĂNG	GIẢM	3.86	3.86	7.51%			4.22		
HAX	16.60	GIẢM	GIẢM		17.27				20.14		
HBC	11.35	TĂNG	GIẢM	10.70	10.42	6.07%			12.34		
HCM	21.20	GIẢM	GIẢM		21.89				23.78		
HDB	27.55	TĂNG	GIẢM	27.55	26.39	0.00%			29.24		
HDC	24.50	TĂNG	TĂNG	23.10	23.48	6.06%		15.25	21.08	60.66%	
HDG	30.65	GIẢM	GIẢM		31.13				34.05		
HNG	14.20	GIẢM	GIẢM		14.53				15.49		
HPG	24.15	TĂNG	TĂNG	24.00	22.71	0.62%		23.85	22.11	1.26%	
HSG	7.98	GIẢM	TĂNG		8.30			7.75	7.30	2.97%	
HT1	14.60	GIẢM	TĂNG		15.37			16.90	13.91	-13.61%	
HUT	2.40	GIẢM	GIẢM		2.57				2.71		
HVN	34.10	GIẢM	GIẢM		34.73				36.93		
KBC	15.30	TĂNG	TĂNG	15.25	14.71	0.33%		15.35	14.00	-0.33%	
KDH	26.40	GIẢM	TĂNG		27.06			24.00	24.98	10.00%	
KSB	16.70	GIẢM	GIẢM		17.98				19.42		
LCG	8.05	TĂNG	GIẢM	8.54	8.00	-5.74%			8.76		
LDG	8.66	GIẢM	GIẢM		8.94				10.08		
LHG	16.15	TĂNG	GIẢM	16.45	15.25	-1.82%			16.89		
LPB	7.60	TĂNG	GIẢM	7.60	7.40	0.00%			8.05		
MBB	21.25	GIẢM	GIẢM		21.54				22.70		
MPC	22.70	TĂNG	GIẢM	20.10	20.42	12.94%			23.55		
MSN	57.50	TĂNG	GIẢM	57.50	57.22	0.00%	MUA		63.22		
MSR	15.20	TĂNG	GIẢM	14.40	14.77	5.56%			16.05		
MWG	115.30	TĂNG	GIẢM	113.40	111.38	1.68%			122.49		
NDN	16.80	GIẢM	TĂNG	17.40	17.21	-1.09%	BÁN	13.70	16.31	22.63%	
NKG	7.59	TĂNG	TĂNG	7.38	6.66	2.85%		7.11	6.07	6.75%	
NLG	27.00	TĂNG	TĂNG	27.35	26.78	-1.28%		28.70	26.30	-5.92%	
NT2	21.45	GIẢM	GIẢM		22.11				23.29		
NTL	23.25	TĂNG	TĂNG	24.40	22.85	-4.71%		24.20	20.87	-3.93%	



We Create Fortune

NVL	56.00	GIẢM	GIẢM	57.90	56.33	-2.72%	BÁN		60.29		
OIL	8.20	GIẢM	GIẢM		8.75				9.54		
PAC	25.30	TĂNG	GIẢM	25.80	24.79	-1.94%			27.41		
PC1	17.60	GIẢM	GIẢM		18.12				19.87		
PDR	25.40	TĂNG	TĂNG	26.45	25.32	-3.97%		29.00	25.19	-12.41%	
PHR	40.30	GIẢM	GIẢM		42.14				50.78		
PLX	57.10	TĂNG	GIẢM	57.10	57.05	0.00%	MUA		60.01		
PNJ	86.80	TĂNG	TĂNG	84.70	84.36	2.48%		77.07	78.71	12.62%	
POW	11.70	GIẢM	GIẢM		12.03				13.38		
PVT	16.35	GIẢM	TĂNG		16.94			18.30	16.28	-10.66%	
PPC	25.55	GIẢM	TĂNG	26.81	26.31	-1.87%	BÁN	28.40	24.39	-10.04%	
PTB	71.20	GIẢM	TĂNG		72.20			64.00	68.51	11.25%	
PVB	18.20	GIẢM	GIẢM		18.85				20.57		
PVD	15.20	GIẢM	GIẢM		15.20				16.61		
PVI	31.00	GIẢM	GIẢM		31.56				33.51		
PVS	18.10	TĂNG	GIẢM	17.80	17.06	1.69%			19.30		
PXS	5.55	TĂNG	TĂNG	5.78	5.31	-3.98%		6.20	4.88	-10.48%	
QNS	27.50	GIẢM	GIẢM		27.58			33.26	28.38	-14.67%	BÁN
REE	36.50	TĂNG	TĂNG	36.95	35.43	-1.22%		33.33	35.23	9.53%	
SAB	224.60	GIẢM	GIẢM		233.29				253.49		
SAM	8.25	TĂNG	TĂNG	8.15	7.98	1.23%		7.40	7.58	11.49%	
SCR	5.93	TĂNG	TĂNG	5.93	5.78	0.00%		6.33	5.21	-6.32%	
SHI	8.85	GIẢM	TĂNG		9.22			6.99	8.30	26.61%	
SJS	16.60	TĂNG	TĂNG	17.00	15.99	-2.35%		17.00	14.02	-2.35%	
SKG	12.95	TĂNG	TĂNG	11.60	12.26	11.64%		12.30	10.97	5.28%	
SSI	18.25	GIẢM	GIẢM		18.75				20.14		
STB	10.20	GIẢM	GIẢM		10.28				10.80		
TCB	23.65	TĂNG	GIẢM	23.45	22.91	0.85%			24.80		
TCM	19.50	GIẢM	GIẢM		19.64				21.83		
TDH	10.50	TĂNG	GIẢM	10.50	10.16	0.00%	MUA		11.10		
TLH	4.42	TĂNG	TĂNG	4.06	4.26	8.87%		4.48	3.94	-1.34%	
TNG	15.10	TĂNG	GIẢM	15.10	14.86	0.00%			16.69		
VCB	89.90	TĂNG	TĂNG	87.50	87.37	2.74%		62.00	83.28	45.00%	
VCG	26.10	GIẢM	TĂNG	27.00	26.40	-2.22%	BÁN	19.20	25.28	35.94%	
VCS	68.00	GIẢM	GIẢM		74.17				91.56		
VGC	18.00	TĂNG	GIẢM	18.40	17.72	-2.17%			19.23		
VGT	8.50	TĂNG	GIẢM	8.90	7.96	-4.49%			8.95		
VHC	38.30	GIẢM	GIẢM		40.07				41.92		
VHM	85.20	GIẢM	GIẢM		86.95				92.59		

We Create Fortune

VIB	17.50	TĂNG	TĂNG	17.40	17.14	0.57%		17.70	16.56	-1.13%	
VIC	115.30	GIẢM	TĂNG		117.05			112.00	113.76	2.95%	
VIP	4.98	GIẢM	GIẢM		5.09				5.30		
VJC	148.00	TĂNG	TĂNG	144.40	145.14	2.49%		124.50	138.01	18.88%	
VND	14.40	TĂNG	GIẢM	14.10	13.93	2.13%			14.88		
VNG	19.90	TĂNG	GIẢM	20.00	19.19	-0.50%			20.99		
VNM	118.30	GIẢM	GIẢM		120.32				126.60		
VPB	20.40	TĂNG	GIẢM	20.00	19.60	2.00%			21.28		
VPI	42.40	TĂNG	TĂNG	42.45	41.09	-0.12%		41.30	39.68	2.66%	
VRC	14.55	GIẢM	GIẢM		17.56				25.85		
VRE	34.60	TĂNG	TĂNG	34.50	32.73	0.29%		35.05	32.08	-1.28%	
VSC	28.00	TĂNG	TĂNG	25.45	26.16	10.02%		27.00	23.49	3.70%	

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU LARGE CAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
ACB	23.00	GIẢM	TĂNG		23.20			24.00	22.57	-4.17%	
BID	46.70	TĂNG	TĂNG	41.90	44.39	11.46%		33.40	40.49	39.82%	
BSR	8.10	GIẢM	GIẢM		8.64				9.76		
BVH	68.60	GIẢM	GIẢM		71.87				73.44		
CTG	21.30	TĂNG	GIẢM	20.60	20.49	3.40%			21.78		
FPT	57.60	TĂNG	TĂNG	57.00	56.51	1.05%		40.23	54.99	43.19%	
GAS	94.80	GIẢM	GIẢM		97.64				104.62		
GEX	19.20	GIẢM	GIẢM		20.06				21.00		
GVR	11.70	TĂNG	N/A	11.70	11.38	0.00%	MUA		N/A		
HDB	27.55	TĂNG	GIẢM	27.55	26.39	0.00%			29.24		
HNG	14.20	GIẢM	GIẢM		14.53				15.49		
HPG	24.15	TĂNG	TĂNG	24.00	22.71	0.62%		23.85	22.11	1.26%	
HVN	34.10	GIẢM	GIẢM		34.73				36.93		
KDH	26.40	GIẢM	TĂNG		27.06			24.00	24.98	10.00%	
MBB	21.25	GIẢM	GIẢM		21.54				22.70		
MSN	57.50	TĂNG	GIẢM	57.50	57.22	0.00%	MUA		63.22		
MWG	115.30	TĂNG	GIẢM	113.40	111.38	1.68%			122.49		
NVL	56.00	GIẢM	GIẢM	57.90	56.33	-2.72%	BÁN		60.29		
OIL	8.20	GIẢM	GIẢM		8.75				9.54		
PLX	57.10	TĂNG	GIẢM	57.10	57.05	0.00%	MUA		60.01		
PNJ	86.80	TĂNG	TĂNG	84.70	84.36	2.48%		77.07	78.71	12.62%	

We Create Fortune

POW	11.70	GIẢM	GIẢM		12.03				13.38		
QNS	27.50	GIẢM	GIẢM		27.58			33.26	28.38	-14.67%	BÁN
REE	36.50	TĂNG	TĂNG	36.95	35.43	-1.22%		33.33	35.23	9.53%	
ROS	15.15	GIẢM	GIẢM		18.04				24.79		
SBT	18.60	TĂNG	TĂNG	18.60	17.93	0.00%		17.50	17.46	6.29%	
SSI	18.25	GIẢM	GIẢM		18.75				20.14		
STB	10.20	GIẢM	GIẢM		10.28				10.80		
TCB	23.65	TĂNG	GIẢM	23.45	22.91	0.85%			24.80		
TPB	21.50	GIẢM	GIẢM		21.51				23.94		
VCB	89.90	TĂNG	TĂNG	87.50	87.37	2.74%		62.00	83.28	45.00%	
VCG	26.10	GIẢM	TĂNG	27.00	26.40	-2.22%	BÁN	18.44	25.28	41.53%	
VCS	68.00	GIẢM	GIẢM		74.17				91.56		
VEA	45.30	TĂNG	GIẢM	45.50	42.37	-0.44%			59.45		
VGI	25.00	TĂNG	N/A	26.80	24.48	-6.72%			N/A		
VHM	85.20	GIẢM	GIẢM		86.95				92.59		
VIB	17.50	TĂNG	TĂNG	17.40	17.14	0.57%		15.00	16.56	16.63%	
VIC	115.30	GIẢM	TĂNG		117.05			112.00	113.76	2.95%	
VJC	148.00	TĂNG	TĂNG	144.40	145.14	2.49%		124.50	138.01	18.88%	
VNM	118.30	GIẢM	GIẢM		120.32				126.60		
VPB	20.40	TĂNG	GIẢM	20.00	19.60	2.00%			21.28		
VRE	34.60	TĂNG	TĂNG	34.50	32.73	0.29%		35.05	32.08	-1.28%	

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU MIDCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	12.70	GIẢM	GIẢM		13.19				14.43		
ANV	22.90	TĂNG	GIẢM	22.80	21.77	0.44%			24.61		
ASM	6.64	GIẢM	GIẢM		6.96				7.24		
BMI	25.65	TĂNG	TĂNG	25.65	25.42	0.00%	MUA	26.70	23.99	-3.93%	
BMP	45.00	GIẢM	GIẢM		47.18				51.02		
BWE	22.80	GIẢM	GIẢM		23.74				24.77		
CEO	9.20	TĂNG	GIẢM	9.30	9.02	-1.08%			9.80		
CII	23.10	TĂNG	GIẢM	23.10	23.01	0.00%	MUA		24.76		
CRE	25.00	TĂNG	TĂNG	24.20	24.07	3.31%		25.00	24.70	0.00%	MUA
CTI	22.80	TĂNG	GIẢM	21.80	21.07	4.59%			23.07		
CTR	39.70	GIẢM	GIẢM		43.01				49.48		
D2D	73.40	GIẢM	TĂNG		80.66			83.10	73.17	-11.67%	

We Create Fortune

DBD	55.80	GIẢM	TĂNG		57.17			38.65	54.36	44.37%	
DCM	6.41	GIẢM	GIẢM		6.67				7.12		
DGW	23.30	TĂNG	GIẢM	23.25	21.71	0.22%			24.94		
DHC	37.60	GIẢM	TĂNG		39.65			37.70	36.02	-0.27%	
DIG	13.90	TĂNG	GIẢM	14.00	13.39	-0.71%			14.69		
DPG	39.60	GIẢM	GIẢM		43.55				48.35		
DPM	12.80	GIẢM	GIẢM		13.50				14.36		
DRC	23.60	TĂNG	TĂNG	24.10	22.63	-2.07%		21.60	21.25	9.26%	
DXG	13.90	TĂNG	GIẢM	14.60	13.88	-4.79%			16.12		
E1VFN30	14.70	TĂNG	GIẢM	14.76	14.34	-0.41%			15.42		
FCN	10.20	GIẢM	GIẢM		10.35				11.21		
FLC	4.62	TĂNG	TĂNG	4.61	4.56	0.22%		4.63	4.02	-0.22%	
GEG	26.40	GIẢM	TĂNG		27.19			12.50	25.77	111.16%	
GMD	22.75	GIẢM	GIẢM		24.08				25.29		
GTN	18.85	GIẢM	GIẢM		20.24				23.85		
HAG	4.15	TĂNG	GIẢM	3.86	3.86	7.51%			4.22		
HBC	11.35	TĂNG	GIẢM	10.70	10.42	6.07%			12.34		
HCM	21.20	GIẢM	GIẢM		21.89				23.78		
HDC	24.50	TĂNG	TĂNG	23.10	23.48	6.06%		15.25	21.08	60.66%	
HDG	30.65	GIẢM	GIẢM		31.13				34.05		
HPX	26.50	TĂNG	#N/A	27.50	25.87	-3.64%		35.30	#N/A	#N/A	
HSG	7.98	GIẢM	TĂNG		8.30			7.75	7.30	2.97%	
HT1	14.60	GIẢM	TĂNG		15.37			16.90	13.91	-13.61%	
HTM	18.00	TĂNG	GIẢM	16.00	16.56	12.50%			18.47		
IBC	20.40	GIẢM	GIẢM		20.60				21.22		
IDI	5.13	TĂNG	GIẢM	5.45	5.13	-5.87%			5.89		
IJC	16.10	TĂNG	TĂNG	14.65	15.37	9.90%		13.10	13.45	22.90%	
ITA	2.80	TĂNG	GIẢM	2.87	2.65	-2.44%			3.09		
KBC	15.30	TĂNG	TĂNG	15.25	14.71	0.33%		14.85	14.00	3.05%	
KDC	19.80	TĂNG	TĂNG	19.50	18.39	1.54%		20.82	18.08	-4.88%	
KOS	28.10	TĂNG	TĂNG	26.80	26.82	4.85%		26.30	25.20	6.84%	
KSB	16.70	GIẢM	GIẢM		17.98				19.42		
LDG	8.66	GIẢM	GIẢM		8.94				10.08		
LPB	7.60	TĂNG	GIẢM	7.60	7.40	0.00%			8.05		
MBG	20.30	GIẢM	GIẢM		27.06				39.37		
MBS	14.70	TĂNG	GIẢM	14.70	14.18	0.00%			15.75		
MPC	22.70	TĂNG	GIẢM	20.10	20.42	12.94%			23.55		
NBB	19.30	GIẢM	GIẢM		20.91				22.02		

We Create Fortune

NKG	7.59	TĂNG	TĂNG	7.38	6.66	2.85%		7.11	6.07	6.75%	
NLG	27.00	TĂNG	TĂNG	27.35	26.78	-1.28%		26.28	26.30	2.74%	
NT2	21.45	GIẢM	GIẢM		22.11				23.29		
NTL	23.25	TĂNG	TĂNG	24.40	22.85	-4.71%		24.20	20.87	-3.93%	
NVB	9.20	TĂNG	TĂNG	7.60	9.16	21.05%		8.50	8.62	8.24%	
OGC	3.50	GIẢM	GIẢM		3.68				4.01		
PC1	17.60	GIẢM	GIẢM		18.12				19.87		
PDR	25.40	TĂNG	TĂNG	26.45	25.32	-3.97%		23.59	25.19	7.65%	
PHR	40.30	GIẢM	GIẢM		42.14				50.78		
PPC	25.55	GIẢM	TĂNG	26.81	26.31	-1.87%	BÁN	28.40	24.39	-10.04%	
PTB	71.20	GIẢM	TĂNG		72.20			60.78	68.51	17.14%	
PVD	15.20	GIẢM	GIẢM		15.20				16.61		
PVI	31.00	GIẢM	GIẢM		31.56				33.51		
PVS	18.10	TĂNG	GIẢM	17.80	17.06	1.69%			19.30		
PVT	16.35	GIẢM	TĂNG		16.94			17.31	16.28	-5.52%	
QCG	3.93	GIẢM	GIẢM		4.17				4.68		
SCR	5.93	TĂNG	TĂNG	5.93	5.78	0.00%		6.33	5.21	-6.32%	
SGP	7.10	GIẢM	GIẢM		7.38				8.99		
SHB	6.50	TĂNG	GIẢM	6.40	6.19	1.56%			6.72		
SHS	7.70	GIẢM	TĂNG		7.96			8.40	7.36	-8.33%	
SZC	18.45	TĂNG	GIẢM	17.85	16.93	3.36%			19.60		
TCH	33.70	TĂNG	TĂNG	30.05	31.14	12.15%		26.15	26.28	28.87%	
TCM	19.50	GIẢM	GIẢM		19.64				21.83		
TDH	10.50	TĂNG	GIẢM	10.50	10.16	0.00%	MUA		11.10		
TNG	15.10	TĂNG	GIẢM	15.10	14.86	0.00%			16.69		
TTB	4.10	GIẢM	GIẢM		4.78				7.60		
VGC	18.00	TĂNG	GIẢM	18.40	17.72	-2.17%			19.23		
VGT	8.50	TĂNG	GIẢM	8.90	7.96	-4.49%			8.95		
VHC	38.30	GIẢM	GIẢM		40.07				41.92		
VND	14.40	TĂNG	GIẢM	14.10	13.93	2.13%			14.88		
VNG	19.90	TĂNG	GIẢM	20.00	19.19	-0.50%			20.99		
VPI	42.40	TĂNG	TĂNG	42.45	41.09	-0.12%		41.30	39.68	2.66%	

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU SMALLCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAV	8.40	TĂNG	GIẢM	8.30	8.15	1.20%			8.97		



We Create Fortune

AGR	3.58	TĂNG	GIẢM	3.59	3.27	-0.28%			3.93		
AMD	2.10	GIẢM	GIẢM		2.34				2.98		
APG	9.75	TĂNG	TĂNG	8.76	9.49	11.30%		9.90	8.56	-1.52%	
ART	2.60	GIẢM	TĂNG		2.86			2.30	2.12	13.04%	
BCG	7.45	GIẢM	GIẢM		8.31			6.39	7.47	16.89%	BÁN
C4G	6.10	TĂNG	GIẢM	6.30	5.92	-3.17%			6.98		
C69	6.40	GIẢM	GIẢM		8.99				15.84		
CCL	7.94	TĂNG	TĂNG	6.80	7.49	16.76%		7.88	5.92	0.76%	
CVT	20.35	GIẢM	GIẢM		21.11				22.74		
DAH	9.45	GIẢM	GIẢM		10.46				11.27		
DLG	2.07	TĂNG	TĂNG	1.80	1.84	15.00%		1.71	1.61	21.05%	
DRH	3.73	GIẢM	GIẢM		4.28				5.75		
DTD	10.60	TĂNG	GIẢM	11.10	10.41	-4.50%			12.54		
EVG	2.55	GIẢM	GIẢM		2.71				2.90		
FIT	10.50	TĂNG	TĂNG	4.49	9.43	133.85%		3.64	8.91	188.46%	
FTM	2.21	TĂNG	GIẢM	2.21	2.18	0.00%	MUA		4.03		
FUES SV50	12.87	TĂNG	GIẢM	12.75	12.58	0.94%			13.06		
GKM	15.20	TĂNG	TĂNG	15.00	14.73	1.33%		14.90	14.22	2.01%	
HAH	11.50	GIẢM	GIẢM		12.24				13.27		
HAI	3.07	GIẢM	GIẢM		3.44			1.88	3.16	68.18%	BÁN
HAR	3.95	GIẢM	GIẢM		4.38				5.48		
HDA	10.10	GIẢM	GIẢM		10.69				11.43		
HHP	12.00	TĂNG	GIẢM	12.20	11.66	-1.64%			13.13		
HHS	3.21	GIẢM	TĂNG		3.37			3.36	2.97	-4.46%	
HID	2.40	TĂNG	TĂNG	2.36	2.25	1.69%		2.63	2.16	-8.75%	
HII	9.66	GIẢM	GIẢM		9.99				10.98		
HQC	1.12	GIẢM	TĂNG		1.22			1.16	1.08	-3.45%	
HSL	7.53	GIẢM	GIẢM		7.88				8.77		
HUT	2.40	GIẢM	GIẢM		2.57				2.71		
HVG	8.51	TĂNG	TĂNG	7.82	7.93	8.82%		3.90	6.94	118.21%	
HVH	15.20	GIẢM	GIẢM		15.77				19.76		
IDJ	6.10	GIẢM	TĂNG		6.44			7.20	5.42	-15.28%	
JVC	3.45	GIẢM	GIẢM		3.68				4.33		
KLF	1.60	TĂNG	TĂNG	1.40	1.60	14.29%		1.50	1.33	6.67%	
LCG	8.05	TĂNG	GIẢM	8.54	8.00	-5.74%			8.76		
LGL	8.10	GIẢM	GIẢM		8.25				8.86		
LHG	16.15	TĂNG	GIẢM	16.45	15.25	-1.82%			16.89		
LMH	7.39	GIẢM	GIẢM		9.06				13.37		



We Create Fortune

MST	5.30	GIẢM	TĂNG		5.40			3.40	4.23	55.88%	
NDN	16.80	GIẢM	TĂNG	17.40	17.21	-1.09%	BÁN	13.10	16.31	28.20%	
PHC	11.15	TĂNG	GIẢM	11.30	10.75	-1.33%			11.99		
PLP	9.40	GIẢM	GIẢM		10.10				11.35		
PVB	18.20	GIẢM	GIẢM		18.85				20.57		
PVC	6.80	GIẢM	TĂNG		6.93			6.70	6.66	1.49%	
PVX	1.10	GIẢM	GIẢM		1.32				1.46		
PXL	8.50	TĂNG	TĂNG	8.40	7.37	1.19%		6.70	6.64	26.87%	
SHI	8.85	GIẢM	TĂNG		9.22			5.77	8.30	53.51%	
SJF	2.15	GIẢM	GIẢM		2.30				2.71		
SPP	1.90	GIẢM	GIẢM		2.20				2.60		
TDC	8.42	TĂNG	GIẢM	8.75	8.26	-3.77%			9.04		
TIG	6.80	GIẢM	TĂNG		7.05			3.20	5.54	112.50%	
TLH	4.42	TĂNG	TĂNG	4.06	4.26	8.87%		4.48	3.94	-1.34%	
TNA	22.60	GIẢM	GIẢM		22.68				28.30		
TNI	10.20	GIẢM	TĂNG		10.75			10.90	9.99	-6.42%	
TSC	3.00	TĂNG	GIẢM	2.95	2.78	1.69%			3.45		
TTF	2.64	TĂNG	GIẢM	2.74	2.60	-3.65%			3.03		
TTH	2.50	GIẢM	GIẢM		2.73				3.00		
TVC	17.60	TĂNG	TĂNG	16.90	17.16	4.14%		14.30	15.80	23.08%	
VC3	16.50	GIẢM	TĂNG		17.04			22.00	16.32	-25.00%	
VCR	11.90	GIẢM	GIẢM		12.98				17.11		
VNA	3.10	TĂNG	GIẢM	3.50	2.94	-11.43%			4.40		
VNE	3.62	GIẢM	GIẢM		3.81				3.70		
VRC	14.55	GIẢM	GIẢM		17.56				25.85		

We Create Fortune

Sàn GDCK TPHCM (HSX)			Sàn GDCK Hà Nội (HSX)			Sàn GDCK UPCoM (UPCoM)		
	Điểm	Chg%		Điểm	Chg%		Điểm	Chg%
VNI	965.14	-0.16%	HNI	102.39	-0.58%	UPCoM	56.65	0.00%
VN30	883.28	-0.41%	HN30	178.95	-1.01%			
VN Mid	930.37	-0.09%	VNX	849.36	-0.25%			
VN Small	778.41	-0.37%	AllSh					

GDKN	GTGD (tỷ VND)		GDKN	GTGD (tỷ VND)		GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	350.93		Mua	4.12		Mua	7.20	
Bán	198.04		Bán	11.64		Bán	14.35	
GT ròng	152.88		GT ròng	-7.52		GT ròng	-7.14	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%	Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%	Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
FIT	670	6.82%	TIG	200	3.03%	GVR	600	5.41%
PHR	1550	4.00%	PVS	500	2.84%	HTM	900	5.26%
TDH	400	3.96%	TNG	100	0.67%	PXL	400	4.94%
NKG	210	2.85%	TVC	100	0.57%	QNS	700	2.61%
SZC	450	2.50%	ACB	0	0.00%	MPC	200	0.89%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%	Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%	Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
D2D	-5500	-6.97%	CSC	-3000	-9.87%	NTC	-1800	-1.08%
ROS	-950	-5.90%	NDN	-1000	-5.62%	CTR	-200	-0.50%
CTF	-1250	-5.32%	L14	-3500	-5.19%	SIP	-300	-0.32%
PPC	-1300	-4.84%	VCS	-3500	-4.90%	VEA	-100	-0.22%
NBB	-950	-4.69%	SHB	-200	-2.99%	BOT	0	0.00%

*GTVH > 500 tỷ đồng, GTDG >1.5 tỷ đồng

GTVH cao nhất	Tỷ đồng		GTVH cao nhất	Tỷ đồng		GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
VIC	387,386		ACB	38,100		ACV	160,630	
VCB	336,766		VCG	11,705		VEA	60,320	
VHM	279,280		VCS	11,440		MCH	51,020	
VNM	205,308		PVS	8,412		GVR	44,588	
BID	188,633		SHB	8,061		BCM	30,691	

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày	KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày	KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
ROS	10,488,870	28,483,635	PVS	4,716,893	1,048,220	QNS	5,215,337	139,490
DLG	9,258,590	8,253,011	SHB	2,756,634	2,518,228	MML	4,030,360	49,239
HPG	7,832,210	5,647,059	ART	1,995,274	2,776,780	BSR	2,024,568	1,334,778
ITA	7,027,380	3,294,635	KLF	1,887,040	3,047,213	GVR	1,116,553	468,903
FLC	6,562,980	9,680,418	NVB	1,844,620	1,485,823	PXL	865,263	280,393

Nguồn: Bloomberg & YSVN

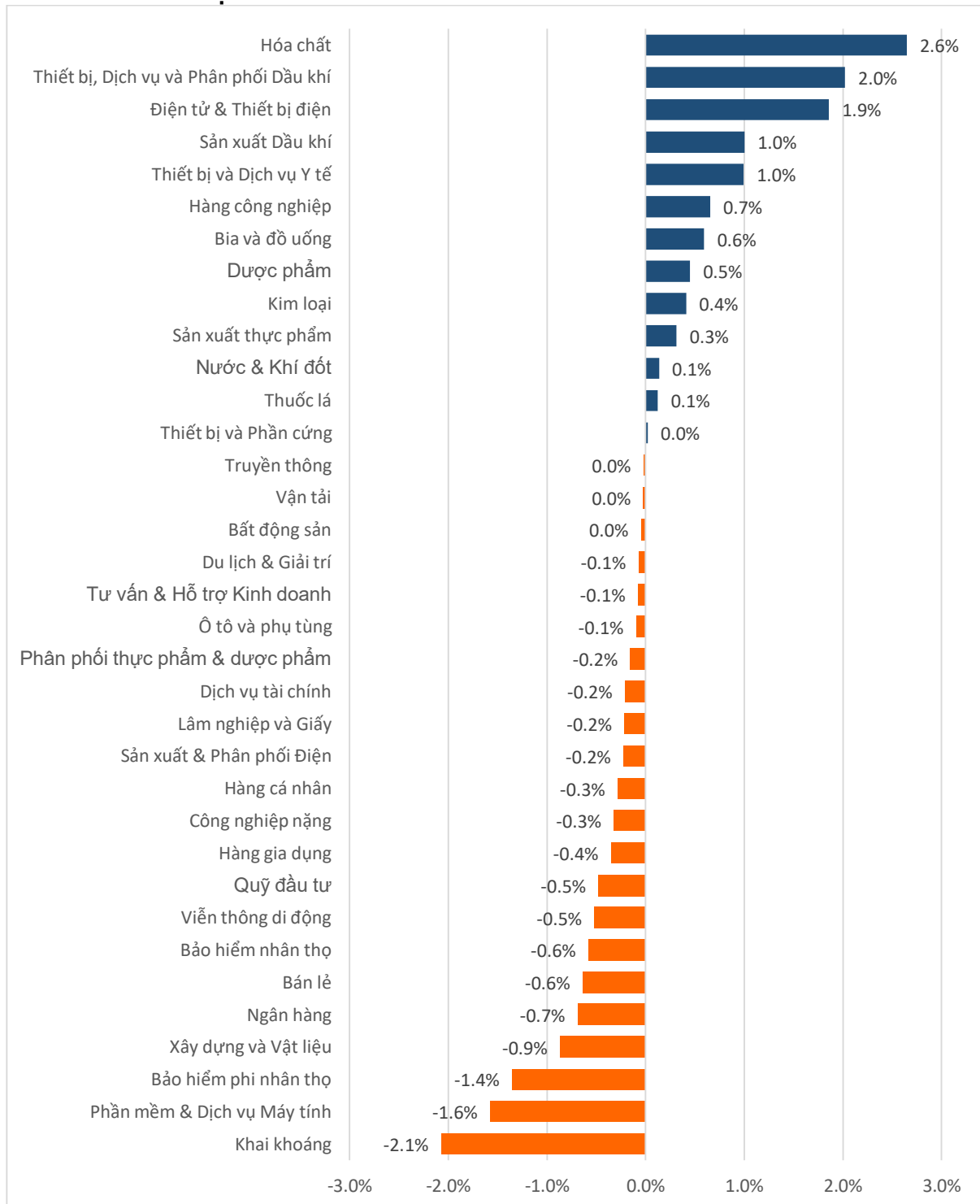
Nguồn: Bloomberg & YSVN

Nguồn: Bloomberg & YSVN



We Create **Fortune**

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH CÁC NHÓM NGÀNH



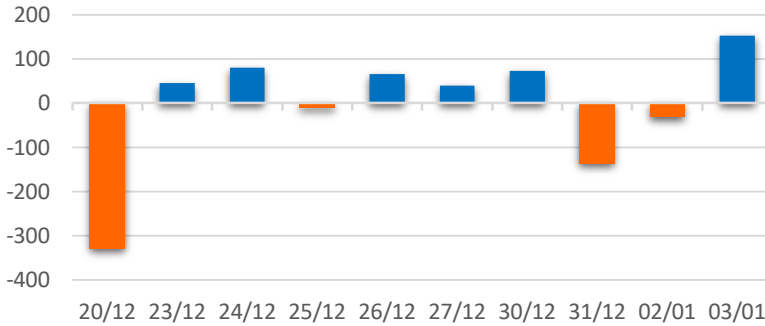
Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

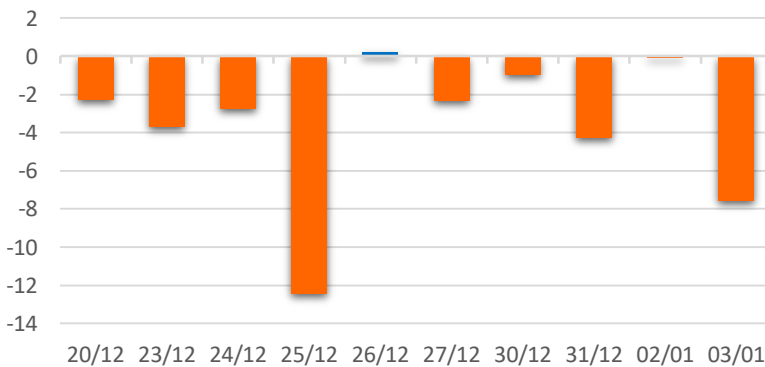
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HSX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
HPG	120,211	PVD	24,342
VNM	38,056	VCI	20,009
VRE	37,290	VCB	12,245
MSN	26,051	VIC	7,493
E1VFN30	15,090	PLX	5,640

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HSX

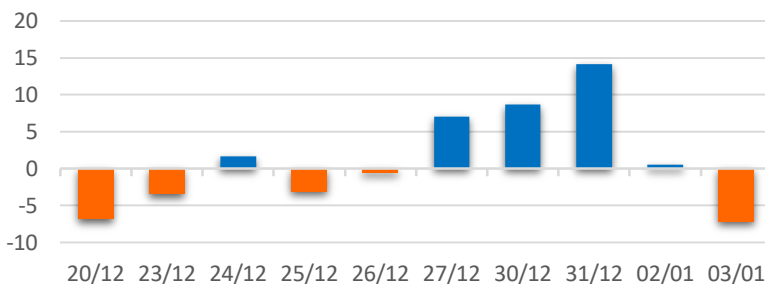
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HNX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
SHB	400	PVS	5,622
SHS	398	NDN	2,327
LAS	189	CEO	441
TIG	129	PVC	283
BVS	81	SRA	216

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HNX

Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại
UPCOM



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
VEA	1,335	BSR	4,889
ACV	549	VLC	2,701
OIL	331	CTR	1,704
TTD	259	MPC	1,361
QNS	129	MCH	101

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn UPCoM

Nguồn: FiinPro – YSVN



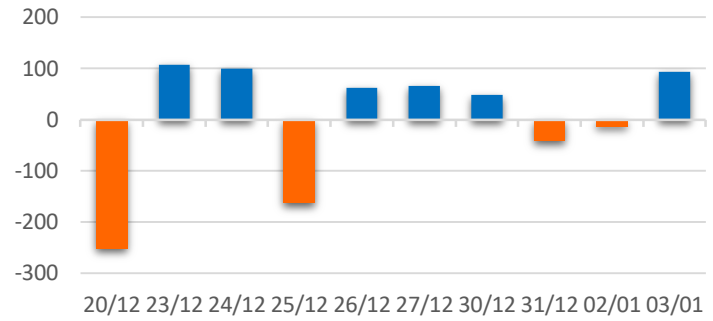
We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

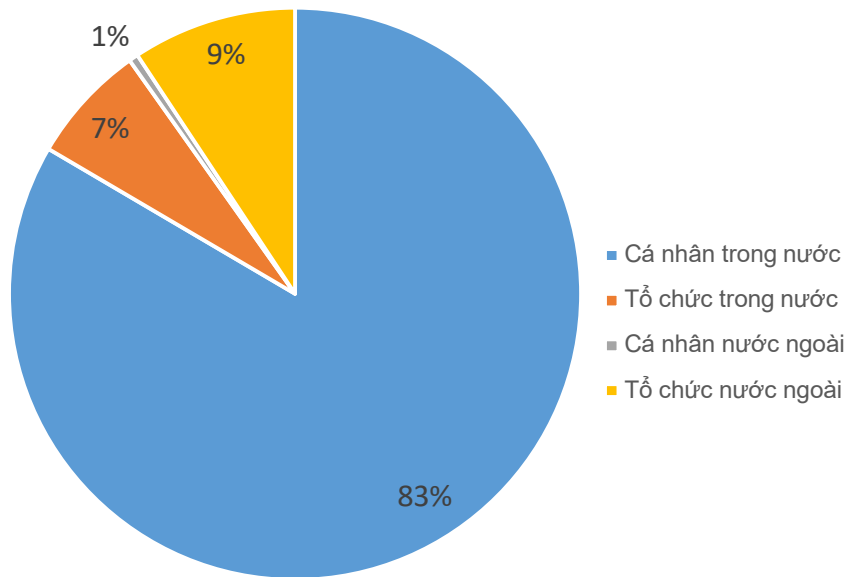
Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
FPT	16,569	MWG	36,333
TCB	6,052	KOS	14,840
VNM	4,720	E1VFN30	14,791
REE	4,248	DBC	6,927
MBB	3,670	FPT	6,749

Top 5 các mã đạt GDTD lớn nhất

Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán ròng (tỷ đồng)



CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

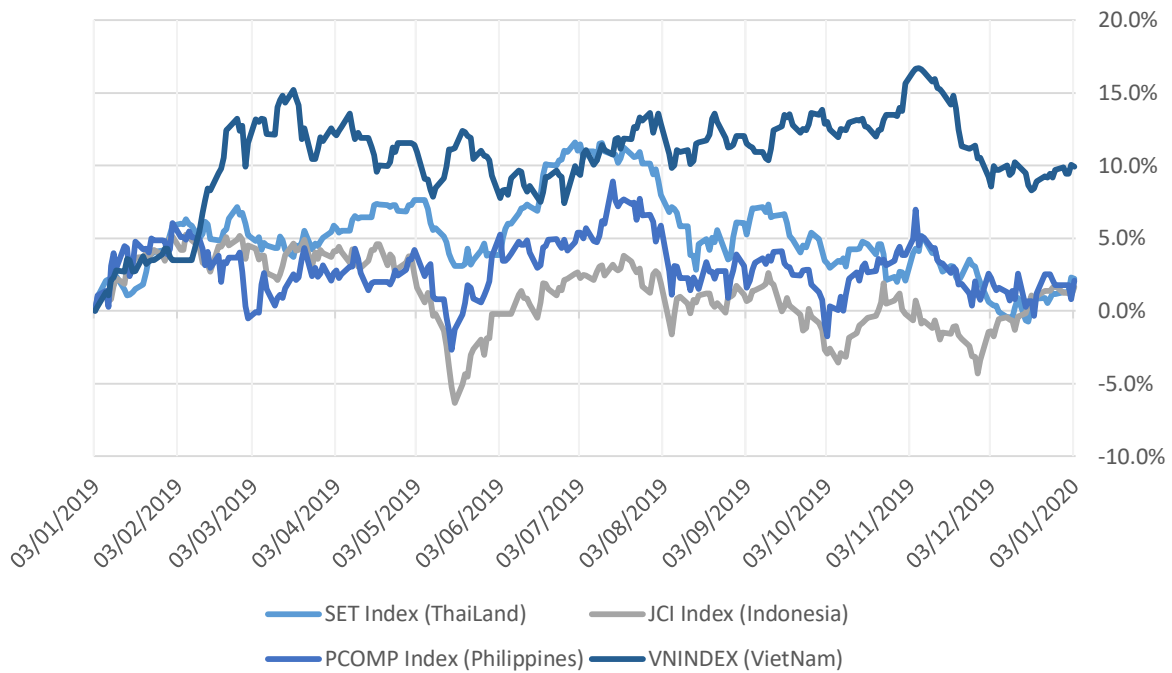


Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create Fortune

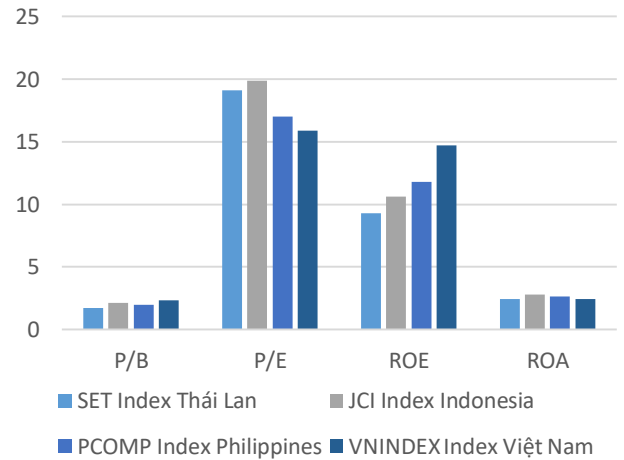
Diễn biến các thị trường trong khu vực



Dữ liệu thị trường các quốc gia trong khu vực

		Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
P/B		1.7x	2.1x	2.0x	2.3x
P/E		19.1x	19.9x	17.0x	15.9x
ROE	%	9.28	10.60	11.79	14.71
ROA	%	2.41	2.80	2.66	2.41
Vốn hóa	Tỷ USD	559.26	522.06	189.81	142.43
GTGD	Triệu USD	1.56	0.23	0.06	0.10
LS cổ tức	%	3.23	2.39	1.60	2.04

Nguồn: Bloomberg & YSVN





We Create **Fortune**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

Nguyễn Thế Minh

Giám đốc Nghiên cứu Phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3826

minh.nguyen@yuanta.com.vn

Quách Đức Khánh

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3833

khanh.quach@yuanta.com.vn

Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng

Chuyên viên phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3832

hong.nguyen@yuanta.com.vn

Phạm Tấn Phát

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3880

phat.pham@yuanta.com.vn

Phòng Môi giới khách hàng cá nhân

Nguyễn Thanh Tùng

Giám đốc Môi giới Hội Sở

+84 28 3622 6868 ext 3609

tung.nguyen@yuanta.com.vn

Nguyễn Việt Quang

Giám đốc chi nhánh Hà Nội

+84 28 3622 6868 ext 3404

quang.nguyen@yuanta.com.vn

Nguyễn Đức Hoàn

**Giám đốc trung tâm kinh doanh
Nam Hà Nội**

+84 28 3622 6868 ext 3409

hoan.nguyen@yuanta.com.vn

Chung Kim Hoa

Giám đốc Khối khách hàng người Hoa

+84 28 3622 6868 ext 3828

hoa.chung@yuanta.com.vn

Võ Thị Thu Thủy

Giám đốc chi nhánh Bình Dương

+84 28 3622 6868 ext 3505

thuy.vo@yuanta.com.vn

Võ Đình Tuấn

Giám đốc Chi Nhánh Đà Nẵng

+84 28 3622 6868 ext 3301

tuan.vo@yuanta.com.vn

Phù Vĩnh Qué

Giám đốc chi nhánh Chợ Lớn

+84 28 3622 6868

que.phu@yuanta.com.vn

Bùi Quốc Phong

Giám đốc chi nhánh Đồng Nai

+84 28 3622 6868

phong.bui@yuanta.com.vn



We Create **Fortune**

Appendix A: Important Disclosures

Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

Ratings Definitions

BUY: We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

HOLD-Outperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

HOLD-Underperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

SELL: We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

Under Review: We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

Restricted: The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or any form or manner, without the express written